

DANH SÁCH 1.061 CĂN NHÀ THUỘC PHÂN KHU 5 - LA VANDA
DỰ ÁN KHU DÂN CƯ LƯƠNG HÒA (LAHOME), XÃ LƯƠNG HÒA, TỈNH TÂY NINH
ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ BÁN NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI
(Đính kèm văn bản số /SXD-NBĐS ngày /01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TÀNG CAO	GHI CHÚ
TỔNG (1.061 CĂN)						109.807,70		179.457,80				
Khu G1 (54 căn)						6.755,10		7.084,80				
1	G1	54	G1-1	RH1	DL 394472	120,30	42,70	131,20	35,49	1,09	3	Nhà liên kế
2			G1-2	RH1-M		120,50	42,70	131,20	35,44	1,09	3	Nhà liên kế
3			G1-3	RH1		120,70	42,70	131,20	35,38	1,09	3	Nhà liên kế
4			G1-4	RH1-M		120,80	42,70	131,20	35,35	1,09	3	Nhà liên kế
5			G1-5	RH1		121,00	42,70	131,20	35,29	1,08	3	Nhà liên kế
6			G1-6	RH1-M		121,20	42,70	131,20	35,23	1,08	3	Nhà liên kế
7			G1-7	RH1		121,40	42,70	131,20	35,17	1,08	3	Nhà liên kế
8			G1-8	RH1-M		121,60	42,70	131,20	35,12	1,08	3	Nhà liên kế
9			G1-9	RH1		121,70	42,70	131,20	35,09	1,08	3	Nhà liên kế
10			G1-10	RH1-M		121,90	42,70	131,20	35,03	1,08	3	Nhà liên kế
11			G1-11	RH1		122,10	42,70	131,20	34,97	1,07	3	Nhà liên kế
12			G1-12	RH1-M		122,30	42,70	131,20	34,91	1,07	3	Nhà liên kế
13			G1-13	RH1		122,50	42,70	131,20	34,86	1,07	3	Nhà liên kế
14			G1-14	RH1-M		122,60	42,70	131,20	34,83	1,07	3	Nhà liên kế
15			G1-15	RH1		122,80	42,70	131,20	34,77	1,07	3	Nhà liên kế
16			G1-16	RH1-M		123,00	42,70	131,20	34,72	1,07	3	Nhà liên kế
17			G1-17	RH1		123,20	42,70	131,20	34,66	1,06	3	Nhà liên kế
18			G1-18	RH1-M		123,40	42,70	131,20	34,60	1,06	3	Nhà liên kế
19			G1-19	RH1		123,60	42,70	131,20	34,55	1,06	3	Nhà liên kế
20			G1-20	RH1-M		123,70	42,70	131,20	34,52	1,06	3	Nhà liên kế
21			G1-21	RH1		123,90	42,70	131,20	34,46	1,06	3	Nhà liên kế
22			G1-22	RH1-M		124,10	42,70	131,20	34,41	1,06	3	Nhà liên kế
23			G1-23	RH1		124,30	42,70	131,20	34,35	1,06	3	Nhà liên kế
24			G1-24	RH1-M		124,50	42,70	131,20	34,30	1,05	3	Nhà liên kế
25			G1-25	RH1		124,60	42,70	131,20	34,27	1,05	3	Nhà liên kế
26			G1-26	RH1-M		124,80	42,70	131,20	34,21	1,05	3	Nhà liên kế
27			G1-27	RH1		125,00	42,70	131,20	34,16	1,05	3	Nhà liên kế
28			G1-28	RH1-M		125,20	42,70	131,20	34,11	1,05	3	Nhà liên kế
29			G1-29	RH1		125,40	42,70	131,20	34,05	1,05	3	Nhà liên kế
30			G1-30	RH1-M		125,50	42,70	131,20	34,02	1,05	3	Nhà liên kế
31			G1-31	RH1		125,70	42,70	131,20	33,97	1,04	3	Nhà liên kế
32			G1-32	RH1-M		125,90	42,70	131,20	33,92	1,04	3	Nhà liên kế
33			G1-33	RH1		126,10	42,70	131,20	33,86	1,04	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
34			G1-34	RH1-M		126,30	42,70	131,20	33,81	1,04	3	Nhà liên kế
35			G1-35	RH1		126,50	42,70	131,20	33,75	1,04	3	Nhà liên kế
36			G1-36	RH1-M		126,60	42,70	131,20	33,73	1,04	3	Nhà liên kế
37			G1-37	RH1		126,80	42,70	131,20	33,68	1,03	3	Nhà liên kế
38			G1-38	RH1-M		127,00	42,70	131,20	33,62	1,03	3	Nhà liên kế
39			G1-39	RH1		127,20	42,70	131,20	33,57	1,03	3	Nhà liên kế
40			G1-40	RH1-M		127,40	42,70	131,20	33,52	1,03	3	Nhà liên kế
41			G1-41	RH1		127,50	42,70	131,20	33,49	1,03	3	Nhà liên kế
42			G1-42	RH1-M		127,70	42,70	131,20	33,44	1,03	3	Nhà liên kế
43			G1-43	RH1		127,90	42,70	131,20	33,39	1,03	3	Nhà liên kế
44			G1-44	RH1-M		128,10	42,70	131,20	33,33	1,02	3	Nhà liên kế
45			G1-45	RH1		128,30	42,70	131,20	33,28	1,02	3	Nhà liên kế
46			G1-46	RH1-M		128,40	42,70	131,20	33,26	1,02	3	Nhà liên kế
47			G1-47	RH1		128,60	42,70	131,20	33,20	1,02	3	Nhà liên kế
48			G1-48	RH1-M		128,80	42,70	131,20	33,15	1,02	3	Nhà liên kế
49			G1-49	RH1		129,00	42,70	131,20	33,10	1,02	3	Nhà liên kế
50			G1-50	RH1-M		129,20	42,70	131,20	33,05	1,02	3	Nhà liên kế
51			G1-51	RH1		129,40	42,70	131,20	33,00	1,01	3	Nhà liên kế
52			G1-52	RH1-M		129,50	42,70	131,20	32,97	1,01	3	Nhà liên kế
53			G1-53	RH1		129,70	42,70	131,20	32,92	1,01	3	Nhà liên kế
54			G1-54	RH1-M		129,90	42,70	131,20	32,87	1,01	3	Nhà liên kế
Khu G2 (51 căn)						5.635,80		7.665,70				
55			G2-1	VS-M		225,50	73,10	262,20	32,42	1,16	3	Nhà biệt thự loại 2
56			G2-2	VL1		153,00	63,10	168,70	41,24	1,10	3	Nhà biệt thự loại 1
57			G2-3	VL1-M		153,00	63,10	168,70	41,24	1,10	3	Nhà biệt thự loại 1
58			G2-4	VL1		153,00	63,10	168,70	41,24	1,10	3	Nhà biệt thự loại 1
59			G2-5	VL1-M	DL 394474	136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
60			G2-6	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
61			G2-7	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
62			G2-8	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
63			G2-9	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
64			G2-10	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
65			G2-11	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
66			G2-12	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
67			G2-13	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
68			G2-14	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
69			G2-15	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
70			G2-16	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
71			G2-17	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
72	G2	51	G2-18	VL1	DL 394473	136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
73			G2-19	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
74			G2-20	VL1-M		179,50	63,10	168,70	35,15	0,94	3	Nhà biệt thự loại 1
75			G2-21	RH1-M		168,30	42,70	131,20	25,37	0,78	3	Nhà liên kế
76			G2-22	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
77			G2-23	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
78			G2-24	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
79			G2-25	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
80			G2-26	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
81			G2-27	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
82			G2-28	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
83			G2-29	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
84			G2-30	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
85			G2-31	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
86			G2-32	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
87			G2-33	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
88			G2-34	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
89			G2-35	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
90			G2-36	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
91			G2-37	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
92			G2-38	RH1	DL 394474	80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
93			G2-39	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
94			G2-40	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
95			G2-41	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
96			G2-42	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
97			G2-43	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
98			G2-44	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
99			G2-45	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
100			G2-46	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
101			G2-47	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
102			G2-48	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
103			G2-49	RH1-M		96,00	42,70	131,20	44,48	1,37	3	Nhà liên kế
104			G2-50	RH1		96,00	42,70	131,20	44,48	1,37	3	Nhà liên kế
105			G2-51	VS		211,50	73,10	262,20	34,56	1,24	3	Nhà biệt thự loại 2
Khu G3 (68 căn)						6.142,00		8.902,00				
106			G3-1	RH4		95,50	43,50	126,30	45,55	1,32	3	Nhà liên kế
107			G3-2	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
108			G3-3	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
109			G3-4	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TÀNG CAO	GHI CHÚ
110	G3	68	G3-5	RH1	DL 394475	90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
111			G3-6	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
112			G3-7	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
113			G3-8	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
114			G3-9	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
115			G3-10	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
116			G3-11	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
117			G3-12	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
118			G3-13	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
119			G3-14	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
120			G3-15	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
121			G3-16	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
122			G3-17	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
123			G3-18	RH1-M	DL 394476	90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
124			G3-19	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
125			G3-20	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
126			G3-21	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
127			G3-22	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
128			G3-23	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
129			G3-24	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
130			G3-25	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
131			G3-26	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
132			G3-27	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
133			G3-28	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
134			G3-29	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
135			G3-30	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
136			G3-31	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
137			G3-32	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
138			G3-33	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
139			G3-34	RH4-M		95,50	43,50	126,30	45,55	1,32	3	Nhà liên kế
140			G3-35	RH4		95,50	43,50	126,30	45,55	1,32	3	Nhà liên kế
141			G3-36	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
142			G3-37	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
143			G3-38	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
144			G3-39	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
145			G3-40	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
146			G3-41	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
147			G3-42	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
148			G3-43	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
149			G3-44	RH1-M	DL 394475	90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
150			G3-45	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
151			G3-46	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
152			G3-47	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
153			G3-48	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
154			G3-49	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
155			G3-50	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
156			G3-51	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
157			G3-52	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
158			G3-53	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
159			G3-54	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
160			G3-55	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
161			G3-56	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
162			G3-57	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
163			G3-58	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
164			G3-59	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
165			G3-60	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
166			G3-61	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
167			G3-62	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
168			G3-63	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
169			G3-64	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
170			G3-65	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
171			G3-66	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
172			G3-67	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
173			G3-68	RH4-M		95,50	43,50	126,30	45,55	1,32	3	Nhà liên kế
Khu G4 (58 căn)						5.286,10		7.590,00				
174			G4-1	RH4	DL 394477	97,30	43,50	126,30	44,71	1,30	3	Nhà liên kế
175			G4-2	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
176			G4-3	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
177			G4-4	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
178			G4-5	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
179			G4-6	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
180			G4-7	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
181			G4-8	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
182			G4-9	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
183			G4-10	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
184			G4-11	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
185			G4-12	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
186			G4-13	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
187	G4	58	G4-14	RH1-M	DL 394478	91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
188			G4-15	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
189			G4-16	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
190			G4-17	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
191			G4-18	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
192			G4-19	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
193			G4-20	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
194			G4-21	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
195			G4-22	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
196			G4-23	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
197			G4-24	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
198			G4-25	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
199			G4-26	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
200			G4-27	RH1-M		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
201			G4-28	RH1		91,50	42,70	131,20	46,67	1,43	3	Nhà liên kế
202			G4-29	RH4-M		97,30	43,50	126,30	44,71	1,30	3	Nhà liên kế
203			G4-30	RH4		95,50	43,50	126,30	45,55	1,32	3	Nhà liên kế
204			G4-31	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
205			G4-32	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
206			G4-33	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
207			G4-34	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
208			G4-35	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
209			G4-36	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
210			G4-37	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
211			G4-38	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
212			G4-39	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
213			G4-40	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
214			G4-41	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
215			G4-42	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
216			G4-43	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
217			G4-44	RH1-M	DL 394477	90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
218			G4-45	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
219			G4-46	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
220			G4-47	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
221			G4-48	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
222			G4-49	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
223			G4-50	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
224			G4-51	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
225			G4-52	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
226			G4-53	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
227			G4-54	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
228			G4-55	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
229			G4-56	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
230			G4-57	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
231			G4-58	RH4-M		95,50	43,50	126,30	45,55	1,32	3	Nhà liên kế
Khu G5 (68 căn)						6.142,00		8.902,00				
232			G5-1	RH4		95,50	43,50	126,30	45,55	1,32	3	Nhà liên kế
233			G5-2	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
234			G5-3	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
235			G5-4	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
236			G5-5	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
237			G5-6	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
238			G5-7	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
239			G5-8	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
240			G5-9	RH1	DL 394479	90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
241			G5-10	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
242			G5-11	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
243			G5-12	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
244			G5-13	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
245			G5-14	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
246			G5-15	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
247			G5-16	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
248			G5-17	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
249			G5-18	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
250			G5-19	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
251			G5-20	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
252			G5-21	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
253			G5-22	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
254			G5-23	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
255			G5-24	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
256			G5-25	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
257			G5-26	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
258			G5-27	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
259			G5-28	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
260			G5-29	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
261			G5-30	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
262			G5-31	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
263			G5-32	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
264	G5	68	G5-33	RH1	DL 394480	90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
265			G5-34	RH4-M		95,50	43,50	126,30	45,55	1,32	3	Nhà liên kế
266			G5-35	RH4		95,50	43,50	126,30	45,55	1,32	3	Nhà liên kế
267			G5-36	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
268			G5-37	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
269			G5-38	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
270			G5-39	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
271			G5-40	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
272			G5-41	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
273			G5-42	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
274			G5-43	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
275			G5-44	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
276			G5-45	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
277			G5-46	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
278			G5-47	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
279			G5-48	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
280			G5-49	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
281			G5-50	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
282			G5-51	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
283			G5-52	RH1-M	DL 394479	90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
284			G5-53	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
285			G5-54	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
286			G5-55	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
287			G5-56	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
288			G5-57	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
289			G5-58	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
290			G5-59	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
291			G5-60	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
292			G5-61	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
293			G5-62	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
294			G5-63	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
295			G5-64	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
296			G5-65	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
297			G5-66	RH1-M		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
298			G5-67	RH1		90,00	42,70	131,20	47,44	1,46	3	Nhà liên kế
299			G5-68	RH4-M		95,50	43,50	126,30	45,55	1,32	3	Nhà liên kế
Khu G6 (56 căn)						5.454,00		10.241,30				
300			G6-1	RH2A-G		107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế
301			G6-2	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
302	G6	56	G6-3	RH2A-M	DL 394481	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
303			G6-4	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
304			G6-5	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
305			G6-6	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
306			G6-7	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
307			G6-8	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
308			G6-9	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
309			G6-10	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
310			G6-11	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
311			G6-12	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
312			G6-13	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
313			G6-14	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
314			G6-15	RH2A-M	DL 394482	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
315			G6-16	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
316			G6-17	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
317			G6-18	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
318			G6-19	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
319			G6-20	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
320			G6-21	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
321			G6-22	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
322			G6-23	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
323			G6-24	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
324			G6-25	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
325			G6-26	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
326			G6-27	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
327			G6-28	RH2A-GM		107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế
328			G6-29	SH1-G1M		123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
329			G6-30	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
330			G6-31	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
331			G6-32	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
332			G6-33	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
333			G6-34	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
334			G6-35	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
335			G6-36	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
336			G6-37	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
337			G6-38	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
338			G6-39	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
339			G6-40	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
340			G6-41	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
341			G6-42	SH1-1	DL 394481	102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
342			G6-43	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
343			G6-44	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
344			G6-45	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
345			G6-46	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
346			G6-47	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
347			G6-48	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
348			G6-49	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
349			G6-50	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
350			G6-51	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
351			G6-52	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
352			G6-53	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
353			G6-54	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
354			G6-55	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
355			G6-56	SH1-G1		123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
Khu G7 (51 căn)						5.635,80		7.665,70				
356			G7-1	VS	DL 394484	225,50	73,10	262,20	32,42	1,16	3	Nhà biệt thự loại 2
357			G7-2	VL1-M		153,00	63,10	168,70	41,24	1,10	3	Nhà biệt thự loại 1
358			G7-3	VL1		153,00	63,10	168,70	41,24	1,10	3	Nhà biệt thự loại 1
359			G7-4	VL1-M		153,00	63,10	168,70	41,24	1,10	3	Nhà biệt thự loại 1
360			G7-5	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
361			G7-6	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
362			G7-7	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
363			G7-8	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
364			G7-9	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
365			G7-10	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
366			G7-11	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
367			G7-12	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
368			G7-13	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
369			G7-14	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
370			G7-15	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
371			G7-16	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
372			G7-17	VL1	136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1	
373			G7-18	VL1-M	136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1	
374			G7-19	VL1	136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1	
375			G7-20	VL1	179,50	63,10	168,70	35,15	0,94	3	Nhà biệt thự loại 1	
376			G7-21	RH1	DL 394483	168,30	42,70	131,20	25,37	0,78	3	Nhà liên kế
377			G7-22	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
378			G7-23	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ	
379	G7	51	G7-24	RH1-M	DL 394483	80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
380			G7-25	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
381			G7-26	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
382			G7-27	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
383			G7-28	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
384			G7-29	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
385			G7-30	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
386			G7-31	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
387			G7-32	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
388			G7-33	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
389			G7-34	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
390			G7-35	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
391			G7-36	RH1-M		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
392			G7-37	RH1		80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
393			G7-38	RH1-M		DL 394484	80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
394			G7-39	RH1			80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
395			G7-40	RH1-M			80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
396			G7-41	RH1			80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
397			G7-42	RH1-M			80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
398			G7-43	RH1			80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
399			G7-44	RH1-M			80,00	42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế
400			G7-45	RH1	80,00		42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
401			G7-46	RH1-M	80,00		42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
402			G7-47	RH1	80,00		42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
403			G7-48	RH1-M	80,00		42,70	131,20	53,38	1,64	3	Nhà liên kế	
404			G7-49	RH1	96,00		42,70	131,20	44,48	1,37	3	Nhà liên kế	
405			G7-50	RH1-M	96,00		42,70	131,20	44,48	1,37	3	Nhà liên kế	
406			G7-51	VS-M	211,50		73,10	262,20	34,56	1,24	3	Nhà biệt thự loại 2	
Khu G8 (40 căn)							4.132,00		8.507,00				
407			G8-1	SH1-G1M	DL 394487		123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
408			G8-2	SH1			102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
409			G8-3	SH1-1			102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
410			G8-4	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
411			G8-5	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
412			G8-6	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
413			G8-7	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
414			G8-8	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
415			G8-9	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
416			G8-10	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SẢN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SĐĐ (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ		
417	G8	40	G8-11	SH1-1	DL 394488	102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
418			G8-12	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
419			G8-13	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
420			G8-14	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
421			G8-15	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
422			G8-16	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
423			G8-17	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
424			G8-18	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
425			G8-19	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
426			G8-20	SH1-G		106,50	56,90	170,00	53,43	1,60	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
427			G8-21	SH1-GM		106,50	56,90	170,00	53,43	1,60	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
428			G8-22	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
429			G8-23	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
430			G8-24	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
431			G8-25	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
432			G8-26	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
433			G8-27	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
434			G8-28	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
435			G8-29	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
436			G8-30	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
437			G8-31	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
438			G8-32	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
439			G8-33	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
440			G8-34	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
441			G8-35	SH1	DL 394487	102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
442			G8-36	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
443			G8-37	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
444			G8-38	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
445			G8-39	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
446					G8-40	SH1-G1		123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
Khu G9 (40 căn)						4.132,00		8.507,00						
447			G9-1	SH1-GM	DL 394489	106,50	56,90	170,00	53,43	1,60	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
448			G9-2	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
449			G9-3	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
450			G9-4	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
451			G9-5	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
452			G9-6	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
453			G9-7	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		
454			G9-8	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2		

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SĐĐ (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
455	G9	40	G9-9	SH1-1	DM 184001	102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
456			G9-10	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
457			G9-11	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
458			G9-12	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
459			G9-13	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
460			G9-14	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
461			G9-15	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
462			G9-16	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
463			G9-17	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
464			G9-18	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
465			G9-19	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
466			G9-20	SH1-G1	DL 394489	123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
467			G9-21	SH1-G1M		123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
468			G9-22	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
469			G9-23	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
470			G9-24	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
471			G9-25	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
472			G9-26	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
473			G9-27	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
474			G9-28	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
475			G9-29	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
476			G9-30	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
477			G9-31	SH1	102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
478			G9-32	SH1-1	102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
479			G9-33	SH1	102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
480			G9-34	SH1-1	102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
481			G9-35	SH1	102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
482			G9-36	SH1-1	102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
483			G9-37	SH1	102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
484			G9-38	SH1-1	102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
485			G9-39	SH1	102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
486			G9-40	SH1-G	106,50	56,90	170,00	53,43	1,60	3	Nhà liên kế thương mại loại 2	
Khu G10 (40 căn)						4.132,00		8.507,00				
487			G10-1	SH1-G1M	DL 394877	123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
488			G10-2	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
489			G10-3	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
490			G10-4	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
491			G10-5	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
492			G10-6	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SĐĐ (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
493	G10	40	G10-7	SH1-1	DL 394878	102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
494			G10-8	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
495			G10-9	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
496			G10-10	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
497			G10-11	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
498			G10-12	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
499			G10-13	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
500			G10-14	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
501			G10-15	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
502			G10-16	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
503			G10-17	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
504			G10-18	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
505			G10-19	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
506			G10-20	SH1-G		106,50	56,90	170,00	53,43	1,60	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
507			G10-21	SH1-GM		106,50	56,90	170,00	53,43	1,60	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
508			G10-22	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
509			G10-23	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
510			G10-24	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
511			G10-25	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
512			G10-26	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
513			G10-27	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
514			G10-28	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
515			G10-29	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
516			G10-30	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
517			G10-31	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
518			G10-32	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
519			G10-33	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
520			G10-34	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
521			G10-35	SH1	DL 394877	102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
522			G10-36	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
523			G10-37	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
524			G10-38	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
525			G10-39	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
526			G10-40	SH1-G1		123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
Khu G11 (40 căn)						4.132,00		8.507,00				
527			G11-1	SH1-GM		106,50	56,90	170,00	53,43	1,60	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
528			G11-2	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
529			G11-3	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
530			G11-4	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
531	G11	40	G11-5	SH1-1	DL 394879	102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
532			G11-6	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
533			G11-7	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
534			G11-8	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
535			G11-9	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
536			G11-10	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
537			G11-11	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
538			G11-12	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
539			G11-13	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
540			G11-14	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
541			G11-15	SH1-1	DL 394880	102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
542			G11-16	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
543			G11-17	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
544			G11-18	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
545			G11-19	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
546			G11-20	SH1-G1		123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
547			G11-21	SH1-G1M		123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
548			G11-22	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
549			G11-23	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
550			G11-24	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
551			G11-25	SH1	DL 394879	102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
552			G11-26	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
553			G11-27	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
554			G11-28	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
555			G11-29	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
556			G11-30	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
557			G11-31	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
558			G11-32	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
559			G11-33	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
560			G11-34	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
561			G11-35	SH1	Khu G12 (42 căn)	102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
562			G11-36	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
563			G11-37	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
564			G11-38	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
565			G11-39	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
566			G11-40	SH1-G		106,50	56,90	170,00	53,43	1,60	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
Khu G12 (42 căn)						5.032,00		6.915,60				
567			G12-1	VL1		191,50	63,10	168,70	32,95	0,88	3	Nhà biệt thự loại 1
568			G12-2	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
569	G12	42	G12-3	VL1-M	DN 618802	136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
570			G12-4	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
571			G12-5	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
572			G12-6	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
573			G12-7	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
574			G12-8	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
575			G12-9	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
576			G12-10	VL1	DL 394881	136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
577			G12-11	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
578			G12-12	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
579			G12-13	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
580			G12-14	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
581			G12-15	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
582			G12-16	VL1		153,00	63,10	168,70	41,24	1,10	3	Nhà biệt thự loại 1
583			G12-17	VL1-M		153,00	63,10	168,70	41,24	1,10	3	Nhà biệt thự loại 1
584			G12-18	VS		191,50	73,10	262,20	38,17	1,37	3	Nhà biệt thự loại 2
585			G12-19	VS-M		179,50	73,10	262,20	40,72	1,46	3	Nhà biệt thự loại 2
586			G12-20	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
587			G12-21	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
588			G12-22	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
589			G12-23	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
590			G12-24	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
591			G12-25	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
592			G12-26	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
593			G12-27	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
594			G12-28	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
595			G12-29	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
596			G12-30	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
597			G12-31	RH2A-M	DN 618802	96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
598			G12-32	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
599			G12-33	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
600			G12-34	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
601			G12-35	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
602			G12-36	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
603			G12-37	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
604			G12-38	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
605			G12-39	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
606			G12-40	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế
607			G12-41	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
608			G12-42	RH2A-G1M		147,50	54,10	161,70	36,68	1,10	3	Nhà liên kế
Khu G13 (56 căn)						5.454,00		10.241,30				
609	G13	56	G13-1	SH1-G1M	DL 394883	123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
610			G13-2	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
611			G13-3	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
612			G13-4	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
613			G13-5	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
614			G13-6	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
615			G13-7	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
616			G13-8	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
617			G13-9	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
618			G13-10	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
619			G13-11	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
620			G13-12	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
621			G13-13	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
622			G13-14	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
623			G13-15	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
624			G13-16	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
625			G13-17	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
626			G13-18	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
627			G13-19	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
628			G13-20	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
629			G13-21	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
630			G13-22	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
631			G13-23	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
632			G13-24	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
633			G13-25	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
634			G13-26	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
635			G13-27	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
636			G13-28	SH1-G1	DL 394884	123,50	66,80	205,40	54,09	1,66	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
637			G13-29	RH2A-G		107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế
638			G13-30	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
639			G13-31	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
640			G13-32	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
641			G13-33	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
642			G13-34	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
643			G13-35	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
644			G13-36	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
645			G13-37	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
646			G13-38	RH2A	DL 394883	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
647			G13-39	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
648			G13-40	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
649			G13-41	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
650			G13-42	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
651			G13-43	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
652			G13-44	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
653			G13-45	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
654			G13-46	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
655			G13-47	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
656			G13-48	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
657			G13-49	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
658			G13-50	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
659			G13-51	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
660			G13-52	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
661			G13-53	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
662			G13-54	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
663			G13-55	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
664			G13-56	RH2A-GM		107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế
Khu G14 (56 căn)						5.110,00		8.457,60				
665			G14-1	RH2A-G	DL 394885	107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế
666			G14-2	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
667			G14-3	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
668			G14-4	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
669			G14-5	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
670			G14-6	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
671			G14-7	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
672			G14-8	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
673			G14-9	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
674			G14-10	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
675			G14-11	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
676			G14-12	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
677			G14-13	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
678			G14-14	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
679			G14-15	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
680			G14-16	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
681			G14-17	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
682			G14-18	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
683			G14-19	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ	
684	G14	56	G14-20	RH2A	DL 394886	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
685			G14-21	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
686			G14-22	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
687			G14-23	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
688			G14-24	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
689			G14-25	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
690			G14-26	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
691			G14-27	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
692			G14-28	RH2A-GM		107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế	
693			G14-29	RH2A-G		107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế	
694			G14-30	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
695			G14-31	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
696			G14-32	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
697			G14-33	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
698			G14-34	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
699			G14-35	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
700			G14-36	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
701			G14-37	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
702			G14-38	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
703			G14-39	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
704			G14-40	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
705			G14-41	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
706			G14-42	RH2A	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế		
707			G14-43	RH2A-M	DL 394885	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
708			G14-44	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
709			G14-45	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
710			G14-46	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
711			G14-47	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
712			G14-48	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
713			G14-49	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
714			G14-50	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
715			G14-51	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
716			G14-52	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
717			G14-53	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
718			G14-54	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
719			G14-55	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
720			G14-56	RH2A-GM		107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế	
Khu G15 (46 căn)						4.210,00		6.929,60					
721			G15-1	RH2A-G			107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TÀNG CAO	GHI CHÚ
722	G15	46	G15-2	RH2A	DL 394887	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
723			G15-3	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
724			G15-4	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
725			G15-5	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
726			G15-6	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
727			G15-7	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
728			G15-8	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
729			G15-9	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
730			G15-10	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
731			G15-11	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
732			G15-12	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
733			G15-13	RH2A	DN 618801	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
734			G15-14	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
735			G15-15	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
736			G15-16	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
737			G15-17	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
738			G15-18	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
739			G15-19	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
740			G15-20	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
741			G15-21	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
742			G15-22	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
743			G15-23	RH2A-GM		107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế
744			G15-24	RH2A-G		107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế
745			G15-25	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
746			G15-26	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
747			G15-27	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
748			G15-28	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
749			G15-29	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
750			G15-30	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
751			G15-31	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
752			G15-32	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
753			G15-33	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
754			G15-34	RH2A-M	DL 394887	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
755			G15-35	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
756			G15-36	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
757			G15-37	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
758			G15-38	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
759			G15-39	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
760			G15-40	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
761			G15-41	RH2A-M	DL 394887	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
762			G15-42	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
763			G15-43	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
764			G15-44	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
765			G15-45	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
766			G15-46	RH2A-GM		107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế
Khu G16 (56 căn)						5.110,00		8.457,60				
767	G16	56	G16-1	RH2A-G	DL 394889	107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế
768			G16-2	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
769			G16-3	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
770			G16-4	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
771			G16-5	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
772			G16-6	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
773			G16-7	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
774			G16-8	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
775			G16-9	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
776			G16-10	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
777			G16-11	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
778			G16-12	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
779			G16-13	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
780			G16-14	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
781			G16-15	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
782			G16-16	RH2A	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
783			G16-17	RH2A-M	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
784			G16-18	RH2A	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
785			G16-19	RH2A-M	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
786			G16-20	RH2A	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
787			G16-21	RH2A-M	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
788			G16-22	RH2A	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
789			G16-23	RH2A-M	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
790			G16-24	RH2A	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
791			G16-25	RH2A-M	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
792			G16-26	RH2A	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
793			G16-27	RH2A-M	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
794			G16-28	RH2A-GM	107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế	
795			G16-29	RH2A-G	107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế	
796			G16-30	RH2A	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
797			G16-31	RH2A-M	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
798			G16-32	RH2A	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
799			G16-33	RH2A-M	DL 394889	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
800			G16-34	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
801			G16-35	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
802			G16-36	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
803			G16-37	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
804			G16-38	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
805			G16-39	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
806			G16-40	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
807			G16-41	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
808			G16-42	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
809			G16-43	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
810			G16-44	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
811			G16-45	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
812			G16-46	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
813			G16-47	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
814			G16-48	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
815			G16-49	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
816			G16-50	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
817			G16-51	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
818			G16-52	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
819			G16-53	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
820			G16-54	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
821			G16-55	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
822			G16-56	RH2A-GM		107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế
Khu G17 (42 căn)						5.032,00		6.915,60				
823			G17-1	VL1-M	DL 394892	191,50	63,10	168,70	32,95	0,88	3	Nhà biệt thự loại 1
824			G17-2	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
825			G17-3	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
826			G17-4	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
827			G17-5	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
828			G17-6	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
829			G17-7	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
830			G17-8	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
831			G17-9	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
832			G17-10	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
833			G17-11	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
834			G17-12	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
835			G17-13	VL1		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1
836			G17-14	VL1-M		136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ	
837	G17	42	G17-15	VL1	DL 394891	136,00	63,10	168,70	46,40	1,24	3	Nhà biệt thự loại 1	
838			G17-16	VL1-M		153,00	63,10	168,70	41,24	1,10	3	Nhà biệt thự loại 1	
839			G17-17	VL1		153,00	63,10	168,70	41,24	1,10	3	Nhà biệt thự loại 1	
840			G17-18	VS-M		191,50	73,10	262,20	38,17	1,37	3	Nhà biệt thự loại 1	
841			G17-19	VS		179,50	73,10	262,20	40,72	1,46	3	Nhà biệt thự loại 1	
842			G17-20	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
843			G17-21	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
844			G17-22	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
845			G17-23	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
846			G17-24	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
847			G17-25	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
848			G17-26	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
849			G17-27	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
850			G17-28	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
851			G17-29	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
852			G17-30	RH2A-M	96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế		
853			G17-31	RH2A	DL 394892	96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
854			G17-32	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
855			G17-33	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
856			G17-34	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
857			G17-35	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
858			G17-36	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
859			G17-37	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
860			G17-38	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
861			G17-39	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
862			G17-40	RH2A-M		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
863			G17-41	RH2A		96,00	49,50	152,80	51,56	1,59	3	Nhà liên kế	
864			G17-42	RH2A-G1		147,50	54,10	161,70	36,68	1,10	3	Nhà liên kế	
Khu G18 (39 căn)						3.849,10		7.549,80					
865			G18-1	RH2A-G		DL 394896	107,50	44,00	128,00	40,93	1,19	3	Nhà liên kế
866			G18-2	RH2A	90,00		49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
867			G18-3	RH2A-M	90,00		49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
868			G18-4	RH2A	90,00		49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
869			G18-5	RH2A-M	90,00		49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
870			G18-6	RH2A	90,00		49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
871			G18-7	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
872			G18-8	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
873			G18-9	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
874			G18-10	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
875	G18	39	G18-11	RH2A-M	DL 394897	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
876			G18-12	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
877			G18-13	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
878			G18-14	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
879			G18-15	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
880			G18-16	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
881			G18-17	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
882			G18-18	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
883			G18-19	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
884			G18-20	RH2A-GM	DL 394899	92,50	44,00	128,00	47,57	1,38	3	Nhà liên kế
885			G18-21	SH2E		204,60	100,40	346,00	49,07	1,69	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
886			G18-22	SH2A		100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
887			G18-23	SH2A-1		100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
888			G18-24	SH2A		100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
889			G18-25	SH2A-1		100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
890			G18-26	SH2A		100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
891			G18-27	SH2A-1		100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
892			G18-28	SH2A		100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
893			G18-29	SH2A-1		100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
894			G18-30	SH2A		100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
895	G18-31	SH2A-1	100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1			
896	G18-32	SH2A	100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1			
897	G18-33	SH2A-1	100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1			
898	G18-34	SH2A	DL 394898	100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1		
899	G18-35	SH2A-1		100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1		
900	G18-36	SH2A		100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1		
901	G18-37	SH2A-1		100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1		
902	G18-38	SH2A		100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1		
903	G18-39	SH2A-G		121,10	67,90	228,30	56,07	1,89	4	Nhà liên kế thương mại loại 1		
Khu G19 (45 căn)						4.512,40		8.741,80				
904			G19-1	RH2A-G	DL 394900	92,50	44,00	128,00	47,57	1,38	3	Nhà liên kế
905			G19-2	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
906			G19-3	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
907			G19-4	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
908			G19-5	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
909			G19-6	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
910			G19-7	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
911			G19-8	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế
912			G19-9	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ	
913	G19	45	G19-10	RH2A-M	DM 184246	90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
914			G19-11	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
915			G19-12	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
916			G19-13	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
917			G19-14	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
918			G19-15	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
919			G19-16	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
920			G19-17	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
921			G19-18	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
922			G19-19	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
923			G19-20	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
924			G19-21	RH2A		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
925			G19-22	RH2A-M		90,00	49,50	152,80	55,00	1,70	3	Nhà liên kế	
926			G19-23	RH2A-G1M	DM 184244	151,90	54,10	161,70	35,62	1,06	3	Nhà liên kế	
927			G19-24	SH2A-GM		169,40	67,90	228,30	40,08	1,35	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
928			G19-25	SH2A		100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
929			G19-26	SH2A-1		100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
930			G19-27	SH2A		100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
931			G19-28	SH2A-1		100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
932			G19-29	SH2A		100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
933			G19-30	SH2A-1		100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
934			G19-31	SH2A		100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
935			G19-32	SH2A-1		100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
936			G19-33	SH2A		DM 184245	100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
937			G19-34	SH2A-1			100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
938			G19-35	SH2A			100,20	72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
939			G19-36	SH2A-1			100,20	72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1
940			G19-37	SH2A	100,20		72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
941			G19-38	SH2A-1	100,20		72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
942			G19-39	SH2A	100,20		72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
943			G19-40	SH2A-1	100,20		72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
944			G19-41	SH2A	100,20		72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
945			G19-42	SH2A-1	100,20		72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
946			G19-43	SH2A	100,20		72,50	233,90	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
947			G19-44	SH2A-1	100,20		72,50	233,00	72,36	2,33	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
948			G19-45	SH2E-M	204,60		100,40	346,00	49,07	1,69	4	Nhà liên kế thương mại loại 1	
Khu H2 (40 căn)							4.866,00		8.203,90				
949			H2-3	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1	
950			H2-4	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1	

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SẢN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
951	H2	40	H2-5	VL2	DL 394485	150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
952			H2-6	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
953			H2-7	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
954			H2-8	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
955			H2-9	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
956			H2-10	VL2-M	DL 394486	150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
957			H2-11	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
958			H2-12	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
959			H2-13	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
960			H2-14	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
961			H2-15	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
962			H2-16	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
963			H2-17	VL2		165,00	70,70	187,80	42,85	1,14	3	Nhà biệt thự loại 1
964			H2-18	SH1		136,00	72,50	216,10	53,31	1,59	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
965			H2-19	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
966			H2-20	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
967			H2-21	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
968			H2-22	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
969			H2-23	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
970			H2-24	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
971			H2-25	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
972			H2-26	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
973			H2-27	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
974			H2-28	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
975			H2-29	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
976			H2-30	SH1		119,00	72,50	216,10	60,92	1,82	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
977			H2-31	SH1-1	DL 394485	102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
978			H2-32	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
979			H2-33	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
980			H2-34	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
981			H2-35	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
982			H2-36	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
983			H2-37	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
984			H2-38	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
985			H2-39	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
986			H2-40	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
987			H2-41	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
988			H2-42	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
Khu H3 (22 căn)						2.752,00		4.518,70				

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
989	H3	22	H3-1	VL2-M	DL 394876	180,00	70,70	187,80	39,28	1,04	3	Nhà biệt thự loại 1
990			H3-2	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
991			H3-3	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
992			H3-4	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
993			H3-5	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
994			H3-6	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
995			H3-7	VL2-M		180,00	70,70	187,80	39,28	1,04	3	Nhà biệt thự loại 1
996			H3-8	VL2		180,00	70,70	187,80	39,28	1,04	3	Nhà biệt thự loại 1
997			H3-9	SH1		119,00	72,50	216,10	60,92	1,82	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
998			H3-10	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
999			H3-11	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.000			H3-12	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.001			H3-13	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.002			H3-14	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.003			H3-15	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.004			H3-16	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.005			H3-17	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.006			H3-18	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.007			H3-19	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.008			H3-20	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.009			H3-21	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.010			H3-22	SH1-1		119,00	72,50	214,80	60,92	1,81	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
Khu H4 (20 căn)						2.496,00		4.114,80				
1.011	H4	20	H4-1	VL2-M	DL 394893	180,00	70,70	187,80	39,28	1,04	3	Nhà biệt thự loại 1
1.012			H4-2	VL2		180,00	70,70	187,80	39,28	1,04	3	Nhà biệt thự loại 1
1.013			H4-3	VL2-M		180,00	70,70	187,80	39,28	1,04	3	Nhà biệt thự loại 1
1.014			H4-4	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.015			H4-5	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.016			H4-6	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.017			H4-7	VL2		180,00	70,70	187,80	39,28	1,04	3	Nhà biệt thự loại 1
1.018			H4-8	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.019			H4-9	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.020			H4-10	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.021			H4-11	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.022			H4-12	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.023			H4-13	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.024			H4-14	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.025			H4-15	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.026			H4-16	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN LÔ ĐẤT ÁP DỤNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	GCNQSD ĐẤT SỐ (STNMT CẤP NGÀY 21/3/2024)	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT m ² THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12242/QĐ-UBND NGÀY 26/11/2024 CỦA UBND TỈNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SDD (lần)	TẦNG CAO	GHI CHÚ
1.027			H4-17	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.028			H4-18	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.029			H4-19	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.030			H4-20	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
Khu H5 (31 căn)						3.805,40		6.332,00				
1.031			H5-1	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.032			H5-2	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.033			H5-3	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.034			H5-4	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.035			H5-5	VL2-M	DL 394894	150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.036			H5-6	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.037			H5-7	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.038			H5-8	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.039			H5-9	VL2-M		145,50	70,70	187,80	48,59	1,29	3	Nhà biệt thự loại 1
1.040			H5-10	VL2		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.041			H5-11	VL2-M		150,00	70,70	187,80	47,13	1,25	3	Nhà biệt thự loại 1
1.042			H5-12	VL2-G		137,50	68,60	182,70	49,89	1,33	3	Nhà biệt thự loại 1
1.043			H5-13	SH1-G1	DL 394895	152,40	66,80	205,40	43,83	1,35	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.044			H5-14	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.045			H5-15	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.046	H5	31	H5-16	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.047			H5-17	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.048			H5-18	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.049			H5-19	SH1		119,00	72,50	216,10	60,92	1,82	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.050			H5-20	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.051			H5-21	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.052			H5-22	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.053			H5-23	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.054			H5-24	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.055			H5-25	SH1	DL 394894	102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.056			H5-26	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.057			H5-27	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.058			H5-28	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.059			H5-29	SH1		102,00	72,50	216,10	71,08	2,12	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.060			H5-30	SH1-1		102,00	72,50	214,80	71,08	2,11	3	Nhà liên kế thương mại loại 2
1.061			H5-31	SH1		119,00	72,50	216,10	60,92	1,82	3	Nhà liên kế thương mại loại 2